

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải; số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Văn bản số 6235/TTr-STNMT ngày 31/12/2024, Văn bản số 366/STNMT-MT ngày 23/01/2025; Báo cáo thẩm định số 1727/BC-STP ngày 29/8/2024 và số 2922/BC-STP ngày 19/12/2024 của Sở Tư pháp; thực hiện kết luận họp của UBND tỉnh tại phiên họp ngày 12/3/2025 (Thông báo số 75/TB-UBND ngày 12/3/2025), của Đảng ủy UBND tỉnh ngày 12/3/2025 (Thông báo số 07-TB/ĐU ngày 12/3/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết việc phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước quy định tại Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước là chất thải nguy hại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

3. Các nội dung liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước không được quy định tại Quy định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn xây dựng là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng. Chất thải rắn xây dựng không bao gồm bùn thải từ bể phốt, hầm cầu quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu là chất thải lỏng ở dạng bùn phát sinh từ bể tự hoại, hầm vệ sinh của các hộ gia đình, cơ quan, công sở, các phương tiện vận tải hành khách có khu vệ sinh trên phương tiện.

3. Bùn thải từ hệ thống thoát nước là chất thải lỏng ở thể bùn tại các đường ống, mương thoát nước.

4. Hoạt động quản lý chất thải rắn xây dựng là các hoạt động kiểm soát chất thải rắn xây dựng phát sinh trong suốt quá trình từ khi phát sinh, phân loại, tập kết đến thu gom, vận chuyển, lưu giữ tạm thời, tái chế, xử lý hoặc tái sử dụng nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người.

5. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước.

6. Công trường là nơi có hoạt động khảo sát, thi công xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng có phát sinh chất thải rắn xây dựng.

7. Đơn vị cung cấp dịch vụ là tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật.

8. Cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước là cơ sở được thành lập, có địa điểm, kho bãi, máy móc thiết bị, quy trình công nghệ, có chức năng nhiệm vụ và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Việc quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Khi thiết kế công trình, khuyến khích việc áp dụng các giải pháp thiết kế và công nghệ nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh.

3. Khuyến khích việc lựa chọn các loại vật liệu có khả năng tái chế, tái sử dụng trong hoạt động xây dựng.

4. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng.

5. Khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI, LƯU GIỮ, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 5. Phân loại chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại tại nơi phát sinh thành các loại sau đây:

a) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng: là chất thải được sử dụng lại một cách trực tiếp hoặc sử dụng sau khi đã sơ chế bằng biện pháp kỹ thuật cơ-lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ để tạo điều kiện cho việc phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng.

b) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế: gồm các chất thải có nguồn gốc từ giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, gỗ và các chất thải có khả năng tái chế khác. Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế có thể phân loại thành các loại khác nhau tùy theo tính chất của chất thải và mục đích sử dụng chất thải.

c) Chất thải rắn còn lại không có khả năng tái chế, tái sử dụng.

2. Chất thải rắn xây dựng sau khi phân loại không được để lẫn với các chất thải nguy hại. Trong trường hợp chất thải rắn xây dựng có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại; nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp thải phải được quản lý như chất thải nguy hại.

3. Các loại sau không được xem là chất thải rắn xây dựng:

a) Đất bóc tầng mặt đất trồng lúa: phải được phân loại, lưu giữ riêng và quản lý theo quy định tại Điều 57 Luật Trồng trọt và Điều 10 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Vật chất nạo vét, đất đào bóc trong thi công công trình dự án được đánh giá đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm vật liệu xây dựng thông thường thì được quản lý theo quy định của Luật Khoáng sản.

Điều 6. Lưu giữ chất thải rắn xây dựng

1. Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng trong khuôn viên công trình hoặc tại địa điểm theo quy định.

2. Chất thải rắn xây dựng đã được phân loại phải được lưu giữ riêng theo từng thiết bị, khu vực riêng.

3. Địa điểm lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải bố trí ở nơi tránh bị ngập nước, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào hoặc chất thải chảy tràn ra xung quanh; không làm phát tán bụi ra môi trường; đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ.

4. Khu vực lưu giữ chất thải rắn xây dựng phải cấm biển báo, đảm bảo không gây cản trở giao thông; không tập kết ra vỉa hè, lòng đường và làm mất mỹ quan khu vực.

5. Thời gian lưu giữ chất thải rắn xây dựng phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, khu vực lưu giữ, quy hoạch sử dụng đất của khu vực.

6. Các loại chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng được phân loại phải lưu chứa trong các thiết bị hoặc khu vực lưu giữ riêng theo mục đích tái chế, tái sử dụng.

Điều 7. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng nếu không được tái sử dụng tại công trường phải được vận chuyển đến một trong các địa điểm sau:

a) Điểm tập kết, lưu giữ theo quy định;

- b) Công trình khác để tái chế, tái sử dụng.
- c) Cơ sở tái chế chất thải;
- d) Cơ sở xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

2. Việc vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải lựa chọn tuyến đường phù hợp, hạn chế qua khu dân cư, khu vực tập trung đông người để đảm bảo an toàn giao thông; hạn chế tác động đến môi trường và sinh hoạt của người dân.

3. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải; được cơ quan có chức năng kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và cấp phép lưu hành.

4. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải được vệ sinh, phun xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường hoặc nơi phát sinh chất thải; khi tham gia giao thông phải được che chắn, phủ bạt kín, đảm bảo không để rò rỉ, rơi vãi chất thải gây ô nhiễm môi trường, không để phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển.

5. Việc vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải tuân thủ thời gian và tuyến đường vận chuyển quy định tại Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 8. Điểm tập kết chất thải rắn xây dựng

1. Điểm tập kết chất thải rắn xây dựng được bố trí trong trường hợp chưa xác định được khu xử lý chất thải rắn xây dựng.

2. Chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng phối hợp với địa phương để xác định điểm tập kết chất thải rắn xây dựng tạm thời và cam kết với chính quyền địa phương về thời hạn sử dụng, hoàn trả lại mặt bằng sau khi sử dụng, không làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất sau khi sử dụng.

3. Việc lựa chọn địa điểm phù hợp để làm điểm tập kết chất thải rắn xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phải được bố trí tại các vị trí thuận tiện giao thông và bảo đảm hoạt động chuyên chở không gây ảnh hưởng tới môi trường và mỹ quan khu vực.

b) Có khả năng tiếp nhận và lưu giữ khối lượng chất thải rắn xây dựng phù hợp với sức chứa của bãi.

Điều 9. Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được phép tái sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu tại công trường hoặc vận chuyển để tái sử dụng cho các công trình xây dựng khác. Khuyến khích tái sử dụng chất thải rắn xây dựng ngay tại công trường.

2. Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

a) Chất thải rắn xây dựng dạng bê tông, vữa, gạch ngói vụn, đất đá, cát sỏi, vật liệu kết dính hư hỏng được tái sử dụng làm vật liệu san lấp hoặc tái chế thành

cốt liệu thô để làm vật liệu xây dựng sử dụng trực tiếp tại công trường hoặc vận chuyển đến các công trình xây dựng khác.

b) Đất, bùn thải từ hoạt động đào, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng (không thuộc loại quy định tại khoản 1 Điều 5 quy định này) được ưu tiên sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc san lấp tạo mặt bằng làm tăng giá trị của đất tại các khu vực phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt của địa phương.

c) Chất thải rắn xây dựng như gỗ, giấy, bìa carton, cành lá cây... có thể sử dụng làm nhiên liệu đun nấu hoặc chuyển giao cho cơ sở tái chế để tái chế làm giấy, gỗ.

d) Chất thải rắn xây dựng có nguồn gốc từ giấy, kim loại, nhựa... được phân loại, thu gom gọn gàng để chuyển giao cho các cơ sở tái chế.

Điều 10. Xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Chất thải không được tái sử dụng, tái chế phải được vận chuyển đến địa điểm xử lý chất thải rắn xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác định.

2. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội.

Điều 11. Quản lý chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở khu vực đô thị và nông thôn

1. Đối với tổ chức: thực hiện theo hồ sơ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân: chất thải rắn xây dựng trừ trường hợp đã được chuyển giao cho cơ sở tái chế hoặc tự tái sử dụng, được xử lý như sau:

a) Đối với công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân ở khu vực đô thị: chủ nguồn thải phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Đối với công trình của hộ gia đình, cá nhân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải: chủ nguồn thải phải liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn địa điểm lưu giữ phù hợp.

c) Chủ nguồn thải không được tự ý đổ chất thải rắn xây dựng ra đường, khu vực công cộng, ao hồ, sông suối, kênh rạch và các khu vực khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Chương III

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ Bùn THẢI TỪ BỂ PHỐT, HẦM CẦU VÀ Bùn THẢI TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 12. Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu

1. Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại điểm e khoản 5 Điều 64, Điều 81 và Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu về thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thông hút định kỳ.

b) Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường; phải đảm bảo các yêu cầu an toàn kỹ thuật; bền vững cơ học và hóa học khi vận hành và có các biện pháp xử lý sự cố khi vận hành.

c) Phương tiện vận chuyển phải là xe tải bồn kín chuyên dụng, bồn xe có van khóa đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi bùn, nước rỉ, không phát tán mùi, khí thải ra môi trường trong quá trình vận chuyển.

d) Các đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển bùn thải bể phốt, hầm cầu thực hiện trách nhiệm của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

đ) Bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được vận chuyển đến cơ sở xử lý theo quy định.

e) Chi phí thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu do chủ nguồn thải bùn thải từ bể phốt, hầm cầu chi trả theo hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Yêu cầu về xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Chủ nguồn thải chủ động hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, bơm hút, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu, bể phốt theo quy định.

b) Việc xử lý bùn thải, tái sử dụng bùn thải bể tự hoại phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

c) Không xả thẳng bùn thải từ bể phốt, hầm cầu ra môi trường (hệ thống thoát nước, ruộng đồng, sông hồ khe suối,...).

Điều 13. Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Bùn thải từ hệ thống thoát nước phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm đã được quy hoạch và cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định. Trong trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2. Căn cứ thành phần, tính chất bùn thải, các điều kiện kinh tế, kỹ thuật, môi trường và điều kiện cụ thể của địa phương để lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Tái sử dụng bùn thải sau xử lý phải căn cứ vào các tiêu chí sau:

a) Nhu cầu thực tế của sản phẩm đầu ra từ nguyên liệu bùn thải.

b) Quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản phẩm từ nguyên liệu bùn thải.

c) Mục đích tái sử dụng bùn thải.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ NGUỒN THẢI VÀ ĐƠN VỊ THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ

Điều 14. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

1. Đối với công trình xây dựng, cải tạo, phá dỡ (không bao gồm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân), chủ nguồn thải có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng phát sinh tại công trường theo đúng quy định của pháp luật.

b) Ghi chép nhật ký, lưu giữ chứng từ ghi khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng phát sinh và đã chuyển giao cho các đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý.

c) Tái sử dụng hoặc tái chế chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh hoặc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định này và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn. Trường hợp phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn xây dựng thì việc ký hợp đồng thực hiện trước khi thi công xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình và được thể hiện rõ trong hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng.

d) Trường hợp chủ nguồn thải phải có hồ sơ bảo vệ môi trường thì thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải theo hồ sơ bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với công trình xây dựng, cải tạo, phá dỡ nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Đáp ứng các yêu cầu về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Điều 7, Điều 10 quy định này và các yêu cầu về quy trình, kỹ thuật theo các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phải có đủ thiết bị, phương tiện, nhân lực thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng.

4. Có hồ sơ, tài liệu theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm:

a) Đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển: Thông tin chung về chủ nguồn thải; Số chuyến xe thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển trong ngày/tháng của từng chủ nguồn thải; Khối lượng, loại chất thải được thu gom, vận chuyển; Địa

điểm tiếp nhận xử lý (cơ sở xử lý; các cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng); Các thông tin khác liên quan.

b) Đối với dịch vụ xử lý: Thông tin chung của các chủ nguồn thải, đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng; khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng được vận chuyển đến hàng ngày của từng chủ nguồn thải hoặc đơn vị thu gom, vận chuyển.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ nguồn thải; của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Trách nhiệm của chủ nguồn thải bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trước khi tiến hành hoạt động bơm hút bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

b) Quản lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu tại điểm phát sinh theo đúng quy định và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển đã ký hợp đồng chuyển giao với đơn vị có chức năng xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

c) Việc chuyển giao xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải được thực hiện thông qua biên bản giao nhận trong đó phải thể hiện các nội dung chính gồm: khối lượng, thời gian chuyển giao, loại phương tiện và biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển, đơn vị xử lý, địa điểm xử lý. Chủ nguồn thải có quyền đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển cung cấp văn bản xác nhận của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý về việc đã tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu.

2. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Đáp ứng các yêu cầu về thu gom, vận chuyển nêu tại khoản 2 Điều 12 Quy định này.

b) Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu không có chức năng xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu thì phải có hợp đồng với chủ xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu để tiếp nhận và xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu theo đúng quy định. Việc chuyển giao bùn thải từ bể phốt, hầm cầu phải có nhật ký ghi rõ (thời gian, khối lượng, chủng loại chất thải chuyển giao, phương thức xử lý)

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố xảy ra như làm phát tán, rò rỉ bùn thải từ bể phốt, hầm cầu gây ô nhiễm môi trường.

3. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu:

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

b) Đáp ứng các yêu cầu về xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu nêu tại khoản 3 Điều 12 Quy định này.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có sự cố xảy ra trong quá trình xử lý chất thải bề phốt, hầm cầu gây ô nhiễm môi trường.

4. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đối với quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Lập hồ sơ quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước. Nội dung cơ bản của hồ sơ bao gồm:

- Sơ đồ hệ thống thoát nước và vị trí các công trình đầu mối;
- Kế hoạch nạo vét, thu gom bùn thải;
- Lịch nạo vét, thu gom bùn thải theo định kỳ;
- Khối lượng bùn thải được nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý trên từng tuyến cống, kênh mương và tại các công trình đầu mối theo các kỳ tương ứng;
- Chi phí cho việc nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải.

b) Lập kế hoạch và hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải theo quy định;

c) Khảo sát, đánh giá nhu cầu và khả năng sử dụng bùn thải sau xử lý, lập kế hoạch sử dụng bùn thải sau xử lý.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có phân bổ quỹ đất cho các nhu cầu sử dụng đất để tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bề phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, quản lý sử dụng đất tại các cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bề phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bề phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức việc lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch mặt bằng các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bề phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, xác nhận hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xác định vật chất nạo vét, đất đào bóc trong thi công công trình dự án, chất thải rắn xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý quy hoạch các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị liên quan hướng dẫn các phương tiện vận chuyển bùn thải từ bể phốt, hầm cầu lắp đặt các thiết bị định vị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện này.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổng hợp, tham mưu danh mục kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đối với các dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu các công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện của địa phương.

5. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở ngành có liên quan xác định vị trí các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất trong các khu kinh tế đảm bảo yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý.

b) Kiểm tra, giám sát các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý; phát hiện kịp thời các vi phạm và kiến nghị xử lý theo quy định.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo cơ quan thông tin, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước theo Quy định này.

7. Công an tỉnh

a) Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương tăng cường công tác nắm tình hình; phối hợp với các đơn vị thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Rà soát lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trong đó bố trí quỹ đất cho các điểm tập kết chất thải rắn xây dựng, khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý. Mỗi huyện, thành phố, thị xã chỉ quy hoạch tối đa 01 (một) khu xử lý chất thải rắn xây dựng, khu xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền rộng rãi các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn;

b) Rà soát, lựa chọn, bố trí quỹ đất quy hoạch vị trí, địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ hệ thống thoát nước gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý. Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí tối đa 01 (một) điểm tập kết tạm thời chất thải rắn xây dựng.

c) Hướng dẫn về việc đổ, tập kết, lưu giữ chất thải rắn xây dựng tại điểm đã được quy hoạch nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

d) Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư theo dõi, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, đổ chất thải rắn xây dựng, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn quản lý; kiểm tra, giám sát các điểm lưu giữ chất thải rắn xây dựng trên địa bàn.

10. Các Sở, Ban, Ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, theo dõi đôn đốc tổ chức thực hiện Quy định này; hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh, tham mưu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nội dung vướng mắc phát sinh, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn trong Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định các văn bản mới.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.